



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

INFO UTE LIBRARY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

MỸ DUNG MAKE UP

(Ngành Kỹ thuật Nữ Công - Chương trình đào tạo đại học 132TC)



HCMUTE.EDU.VN - THÁNG 9 NĂM 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-----**-----
*

INFO UTE LIBRARY



HCMUTE

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

MỸ DUNG

MAKE UP

(Ngành Kỹ thuật Nữ Công - CTĐT đại học 132TC)

HCMUTE.EDU.VN – THÁNG 9 NĂM 2019

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	4
GIỚI THIỆU CÁC DỊCH VỤ UTE Library	7
GIỚI THIỆU CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU TRỰC TUYẾN	10
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC	11
GIỚI THIỆU CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	24

LỜI NÓI ĐẦU

Tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh, sinh viên theo học ngành Kỹ thuật Nữ Công sẽ được đào tạo, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong lĩnh vực ẩm thực và trang trí. Có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và đánh giá các giải pháp chuyên ngành; có năng lực xây dựng và quản lý bếp công nghiệp; có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; có thái độ nghề nghiệp phù hợp, đáp ứng các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội.

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

- Có kiến thức nền tảng và lập luận kỹ thuật về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và chuyên ngành.
- Phát triển khả năng rèn luyện để khám phá tri thức, giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống, nắm vững các thuộc tính chuyên ngành và nâng cao tác phong chuyên nghiệp.
- Phát triển khả năng giao tiếp và làm việc trong các nhóm đa kỹ năng.
- Phát triển khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các qui trình thuộc chuyên ngành liên quan phù hợp với bối cảnh xã hội và doanh nghiệp.

Đặc biệt, với phương châm “đào tạo gắn kết với thực tiễn”, Nhà trường luôn tạo cơ hội cho sinh viên được tiếp cận với môi trường thực tế thông qua những chương trình giao lưu học tập trực tiếp ngay tại các doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên dần làm quen với môi trường làm việc sau này, nâng cao khả năng cạnh tranh của bản thân.

Sinh viên ngành Kỹ thuật Nữ Công có thể xin việc có thể làm việc ở đâu?

Với vốn kiến thức chuyên ngành và những kỹ năng được trang bị, kỹ sư ngành Kỹ thuật Nữ Công sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí sau: có thể làm việc tại bếp của các nhà hàng, khách sạn, công ty sản xuất suất ăn công nghiệp; nhân viên tư vấn dinh dưỡng cho các trung tâm dinh dưỡng và bệnh viện; nhân viên phát triển sản phẩm tại các công ty chế biến thực phẩm. Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng giảng dạy tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và cơ sở đào tạo Nữ công gia chánh; có khả năng làm chủ các cửa hàng thuộc lĩnh vực ẩm thực và trang trí.

Để đáp ứng nhu cầu tìm kiếm và sử dụng tài liệu học tập các môn học chuyên ngành “Kỹ thuật Nữ Công” của sinh viên. Thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh đã biên soạn tài liệu thông tin về đề cương chi tiết môn học nhằm cung cấp cho sinh viên có thể nghiên cứu, tìm hiểu, học tập về các môn học chuyên ngành.

Tài liệu thông tin về đề cương chi tiết môn học ngành “Kỹ thuật Nữ Công” nhằm hướng dẫn tìm kiếm và sử dụng tài liệu học tập các môn học chuyên ngành “Kỹ thuật Nữ Công” sẽ mang đến cho sinh viên nắm được phương pháp học nhanh nhất và đạt hiệu quả.

Mặc dù chúng tôi đã cố gắng, song việc biên soạn tài liệu chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được những ý kiến đóng góp từ phía người sử dụng để lần biên soạn sau được hoàn chỉnh hơn.

Thư viện ĐHSPTK TP.HCM
028.389 69 920
thuvien@hcmute.edu.vn
thuvienspkt@hcmute.edu.vn
facebook.com/hcmute.lib

GIỚI THIỆU CÁC DỊCH VỤ UTE LIBRARY

Đồng hành cùng độc giả trên con đường chinh phục tri thức

Nơi cung cấp nguồn lực thông tin khoa học kỹ thuật và giáo dục phục vụ cho nhu cầu đào tạo của Nhà trường.

Cung cấp thông tin

- ✓ Nội dung phong phú
- ✓ Đa dạng loại hình
- ✓ Cập nhật thường xuyên

Hình thức phục vụ

- ✓ Đọc tại chỗ
- ✓ Mượn về nhà
- ✓ Khai thác tài nguyên số 24/24
- ✓ Các dịch vụ học tập trực tuyến

Các loại hình dịch vụ

1. Phục vụ trực tiếp tại thư viện: được hướng dẫn tận tình với hệ thống phòng đọc & Giáo trình mở, có thể tìm đọc tài liệu dạng giấy, CD-ROM, CSDL trực tuyến,...
2. Hỗ trợ công tác biên soạn xuất bản giáo trình và tài liệu học tập, kỹ yếu hội thảo (phục vụ hoạt động NCKH, chương trình đào tạo 150 tín chỉ, bổ sung hồ sơ xét các chức danh khoa học,...).
3. Thiết kế website phục vụ hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, hội thảo: Xây dựng template chung, Thiết lập các trang con (sub pages), Cấp quyền và chuyển giao quyền quản trị trang con.
4. Xuất bản kỹ yếu hội thảo: Tư vấn, thiết kế, dàn trang, Thiết kế các hình ảnh, nhãn hiệu liên quan đến hội nghị (logo hội nghị, banner, poster...), Đăng ký và xin giấy phép xuất bản kỹ yếu, Giám sát các tài liệu liên quan đến chương trình như thư, thông tin hội nghị, tài liệu tham khảo,...
5. Xây dựng các sản phẩm phục vụ hội thảo và các hoạt động học tập: CD-ROM chương trình và kỹ yếu, Ứng dụng tự chạy giới thiệu tài liệu, ghi đĩa CD- ROM, DVD, USB,...
6. Cung cấp thông tin theo yêu cầu (danh mục tài liệu, tài liệu chuyên ngành, kết quả nghiên cứu khoa học, tiêu chuẩn, phát minh sáng chế...).
7. Mô tả, tạo và chọn danh mục “Tài liệu tham khảo” cho luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học theo chuẩn quốc tế.
8. Chuyển dạng tài liệu (từ tài liệu dạng giấy sang file PDF, từ file PDF sang file Word).
9. Cung cấp các thiết bị hỗ trợ cho việc học tập và nghiên cứu,...
10. Hỗ trợ, tư vấn và phối hợp với Thư viện các trường trong việc phát triển các sản phẩm đặc thù của từng đơn vị.

Với nhiều hình thức phục vụ phong phú, thuận tiện cho người học **NGUỒN TÀI NGUYÊN THÔNG TIN**

- CSDL Giáo trình và Tài liệu học tập
- CSDL Sách tham khảo Việt văn
- CSDL Luận văn, Luận án
- CSDL Sách tham khảo Ngoại văn
- CSDL các bài báo khoa học (các bài báo nghiên cứu của học viên theo chương trình đào tạo sau đại học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành)

Địa chỉ liên hệ:

Thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh,
Số 1-3 Võ Văn Ngân, Phường Linh chiểu, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (+84 028) 3896 9920, 3721223 (nội bộ 8223)

Email: thuvienspkt@hcmute.edu.vn

<http://thuvien.hcmute.edu.vn>

<http://thuvienso.hcmute.edu.vn>

GIỚI THIỆU CÁC WEBSITE PHÁT HÀNH UTE EBOOK

“*UTE EBOOK*” là những tác phẩm chỉ có thể dùng các công cụ điện tử như máy vi tính, máy trợ giúp kỹ thuật số cá nhân (thiết bị đọc, máy tính bảng và điện thoại thông minh như iPhone, iPad, Samsung Galaxy, HTC Tablet,...) để xem, đọc, và truyền tải.

“*UTE EBOOK*” là hệ thống phân phối sách điện tử, cung cấp đến người dùng các nội dung sách, giáo trình, truyện, tạp chí, tài liệu, chuyên đề và các thể loại văn bản đọc, audio khác trên di động, thông qua các kênh website, wapsite và client giúp khách hàng có thể cập nhật thông tin kiến thức mọi lúc mọi nơi.

Stt	Tên đơn vị phát hành	Website	Truy cập nhanh kho giáo trình
1	Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh	https://sachweb.com	https://bit.ly/2LSRzXU
2	Công Ty Cổ Phần Tin Học Lạc Việt	http://sachbaovn.vn	https://bit.ly/2Zx8YZn
3	Công Ty TNHH Sách Điện Tử Trẻ (YBOOK)	http://ybook.vn/	https://bit.ly/2GHF21Q
4	Công Ty Cổ Phần	https://read.alezaa.c	https://goo.gl/4MM7

	Dịch Vụ Trực Tuyến VINAPO	om	RM
5	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Mê Kông COM	http://reader.vinabook.com	https://goo.gl/i6Qpb1
6	Thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM	http://thuvien.hcmute.edu.vn/	http://thuvien.hcmute.edu.vn/

DỊCH VỤ HỖ TRỢ XUẤT BẢN ĐIỆN TỬ:

Sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo, sách hướng dẫn, tài liệu phục vụ đào tạo, Kỷ yếu hội thảo, tập san, tạp chí

Nhằm hỗ trợ Quý Thư viện các Trường Đại học, Cao đẳng về việc xuất bản giáo trình, tài liệu học tập điện tử nội sinh,... đạt chất lượng cao phục vụ hoạt động đào tạo, giảng dạy; Thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh giới thiệu đến Quý Thư viện các Trường Đại học, Cao đẳng về “*Chương trình hỗ trợ xuất bản điện tử: Sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo, sách hướng dẫn, tài liệu phục vụ đào tạo, Kỷ yếu hội thảo, tập san, tạp chí*”.

1. Cơ sở xây dựng chương trình:

Căn cứ theo công văn Số: 4301/BGDĐT-GDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và phát triển tài nguyên giáo dục mở tại website: <https://itrihuc.vn>

2. Thời gian triển khai chương trình hỗ trợ

- Giai đoạn 05 năm (Từ ngày 01/10/2019 đến hết ngày 01/10/2024)

3. Tổ chức chương trình

- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

4. Đơn vị công bố phổ biến xuất bản phẩm điện tử

- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh & Các đơn vị liên kết.
- website: <http://thuvien.hcmute.edu.vn>
- website: <https://itrihuc.vn>
- website các đơn vị liên kết.

5. Cấu trúc của xuất bản điện tử giáo trình, tài liệu học tập nội sinh

Xuất bản điện tử giáo trình, tài liệu học tập nội sinh có cấu trúc như sau:

- Trang bìa.
- Trang bìa phụ.

- Lời nói đầu: Trình bày đối tượng sử dụng, mục đích yêu cầu khi sử dụng, cấu trúc nội dung, điểm mới của giáo trình, hướng dẫn cách sử dụng, phân công nhiệm vụ của tác giả biên soạn.
- Mục lục.
- Danh mục các từ viết tắt (nếu có).
- Danh mục hình (nếu có)..
- Danh mục bảng biểu (nếu có)..
- Nội dung chính: Trình bày các chương, mục, tiểu mục và nội dung chi tiết của từng chương, mục, tiểu mục, nội dung thảo luận xêmina, câu hỏi ôn tập, bài tập, các nhiệm vụ tự học và tài liệu học tập từng chương.
- Phụ lục (nếu có).
- Tài liệu tham khảo.

6. Để biết thêm thông tin chi tiết Quý Thầy/Cô liên hệ

- Thư viện Trường Đại Học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.
- Số 1-3 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Email: luatvt@hcmute.edu.vn; thuvienspkt@hcmute.edu.vn
- Điện thoại: 08.38969920 hoặc 0909836920; 0906836920 (ThS. Vũ Trọng Luật)

Xin trân trọng giới thiệu đến Quý Thầy/Cô!

GIỚI THIỆU CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU TRỰC TUYẾN TÌM KIẾM VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ

*Thư viện ĐH SPKT TP. HCM
http://thuvien.hcmute.edu.vn
thuvienspkt@hcmute.edu.vn
028.38969920*

Nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu của tập thể giảng viên và sinh viên của nhà trường, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và nâng vị thế của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh lên tầm cao mới, xứng đáng là một trong những trường đại học hàng đầu của khu vực, nhà trường đã tiến hành mua quyền sử dụng tài khoản truy cập các cơ sở dữ liệu trực tuyến để giảng viên và sinh viên của trường khai thác. Việc khai thác các tư liệu điện tử, các CSDL trực tuyến sẽ góp phần tạo thêm nhiều cơ hội tiếp cận với các kho tư liệu học thuật và nghiên cứu có giá trị cao và được phổ biến trên toàn thế giới.

Để triển khai sử dụng và khai thác các cơ sở dữ liệu trực tuyến đạt hiệu quả, Thư viện xin thông báo đến Quý Thầy Cô & Các Bạn Sinh viên về nội dung triển khai và sử dụng CSDL như sau:

Thông tin triển khai sử dụng:

- Truy cập Web, không giới hạn số lượng người sử dụng, hỗ trợ việc truy cập cho 25.000 sinh viên và gần 1.000 giảng viên, cán bộ viên chức của nhà trường.

- **Địa chỉ truy cập:** <http://csdl.hcmute.edu.vn/>

- Sử dụng email do nhà trường cấp để tạo tài khoản đăng ký:

theo địa chỉ email của cán bộ ...@hcmute.edu.vn

theo địa chỉ email của sinh viên ...@student.hcmute.edu.vn

- Hình thức truy cập: Theo IP đăng kí của nhà trường.

- **Lưu ý:** Việc khai thác các CSDL được nhà xuất bản xác minh người dùng với nhiều lớp bảo mật qua dải địa chỉ IP và username/password, quý thầy cô và bạn đọc chỉ có thể khai thác các CSDL này trên hệ thống máy tính được kết nối mạng trong trường.

Thông tin hỗ trợ kỹ thuật:

Trong quá trình sử dụng, quý thầy cô và bạn đọc cần hỗ trợ kỹ thuật xin vui lòng liên hệ:

Cô Trần Thị Ngọc Ý, Số ĐT 0919888975,

email: ytnn@hcmute.edu.vn

Thư viện trân trọng thông báo đến Quý Thầy Cô và Các Bạn Sinh viên biết để sử dụng và khai thác các cơ sở dữ liệu trực tuyến đạt hiệu quả.

Trân trọng!

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

MỸ DUNG

MAKE UP

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Cấu tạo da; Phương pháp chăm sóc da và tóc; Hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên các kỹ thuật trang điểm cơ bản: tự nhiên, công sở, dạo phố và dự tiệc.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ MAY & THỜI TRANG

Ngành đào tạo: Kỹ thuật Nữ Công
Trình độ đào tạo: Đại học
Chương trình đào tạo: Kỹ thuật Nữ Công

Đề cương chi tiết môn học

1. Tên học phần: MỸ DUNG

Mã học phần: MAUP324653

2. Tên Tiếng Anh: MAKE UP

3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ (1 +1) (1 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: (2:1:6) (1 tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực hành + 4 tín chỉ tự học)

4. Các giảng viên phụ trách học phần:

1/ GV phụ trách chính:

2/ Danh sách giảng viên cùng GD:

5. Điều kiện tham gia học tập học phần

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

6. Mô tả học phần (Course Description)

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Cấu tạo da; Phương pháp chăm sóc da và tóc; Hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên các kỹ thuật trang điểm cơ bản: tự nhiên, công sở, dạo phố và dự tiệc.

7. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) <i>(Học phần này trang bị cho sinh viên:)</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT
G1	Kiến thức về làm đẹp	1.2,1.3
G2	Phân tích và giải quyết các vấn đề trong làm đẹp	2.1, 2.2, 2.3,

	Thực hành trang điểm và búi tóc Tư duy có hệ thống các vấn đề trong lĩnh vực làm đẹp Hình thành kỹ năng cá nhân và thái độ nghề nghiệp trong quá trình học tập môn học	2.4, 2.5
G3	Kỹ năng làm việc nhóm Trình bày kết quả trang điểm bằng hình ảnh Nội dung thông tin bằng tiếng Anh của mỹ phẩm và mỹ cụ	3.1, 3.2, 3.3
G4	Những vấn đề xã hội liên quan đến làm đẹp Các thương hiệu mỹ phẩm phổ biến	4.1, 4.2

8. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR HỌC PHẦN		MÔ TẢ <i>(Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)</i>	CHUẨN ĐẦU RA CDIO
G1	G1.2	Trình bày được cấu tạo của da Phân loại các dạng tóc Nhận biết các dạng khuôn mặt Nêu được các mỹ phẩm, mỹ cụ dùng trong trang điểm Liệt kê được các kỹ thuật, yêu cầu cơ bản của trang điểm chân mày, mắt, má hồng và tô môi.	1.2.1
	G1.3	Liệt kê được các hiện tượng thường gặp trên da Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng trên tóc Nhận biết được các chất độc hại có trong mỹ phẩm Nhận thức được tác hại của mỹ phẩm đối với da và tóc Trình bày được các kỹ thuật trang điểm tự nhiên và dự tiệc	1.3.1
G2	G2.1	Xác định đúng chức năng của mỹ phẩm Tư vấn lựa chọn mỹ phẩm phù hợp với da, tóc	2.1.1, 2.1.3, 2.1.5
	G2.2	Thực hành trang điểm tự nhiên và trang điểm tiệc Thực hành búi tóc căn bản Nắm vững nguyên tắc sử dụng mỹ phẩm, mỹ cụ và dụng cụ búi tóc	2.2.2
	G2.3	Nhận ra các khuyết điểm trên khuôn mặt và thực hiện được cách khắc phục chúng	2.3.4
	G2.4	Sáng tạo trong trang điểm và búi tóc Tự tham khảo tài liệu để học hỏi và nâng cao tay nghề	2.4.3, 2.4.6
	G2.5	Ý thức vệ sinh dụng cụ trang điểm, búi tóc Thể hiện thái độ chuyên nghiệp khi trang điểm cho người ngồi mẫu Sử dụng tiết kiệm vật tư thực hành Thực hiện an toàn lao động trong giờ thực	2.5.1, 2.5.2, 2.5.3, 2.5.4

CDR HỌC PHẦN		MÔ TẢ <i>(Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)</i>	CHUẨN ĐẦU RA CDIO
		hành Cập nhật thường xuyên các xu hướng mới của trang điểm và búi tóc Có khả năng trở thành chuyên viên trang điểm	
G3	G3.1	Hình thành các nhóm học tập, xác định được nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm và thảo luận giải quyết vấn đề liên quan về trang điểm	3.1.1, 3.1.2
	G3.2	Thực hiện thuyết trình những vấn đề liên quan đến trang điểm, mái tóc	3.2.6
	G3.3	Gọi tên mỹ phẩm, mỹ cụ bằng tiếng Anh Trình bày được chức năng của các loại mỹ phẩm, mỹ cụ qua thông tin bằng tiếng Anh trên nhãn sản phẩm	3.3.1
G4	G4.1	Nhận thức được nhu cầu làm đẹp trong môi trường xã hội Nắm bắt được xu hướng phát triển của mỹ phẩm và nhu cầu lựa chọn của người tiêu dùng.	4.1.5
	G4.2	Thu thập được các thương hiệu mỹ phẩm So sánh giá trị mỹ phẩm của các thương hiệu Đánh giá được chất lượng và ưu thế của các thương hiệu	4.2.2

9. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

1. Th.S.Vũ Minh Hạnh -TLHT Trang điểm, khoa Công nghệ May & Thời trang - trường ĐH SPKT Tp.HCM - 2006
2. Th.S. Lê Mai Kim Chi – Bài giảng trang điểm, khoa Công nghệ May & Thời trang - trường ĐH SPKT Tp.HCM - 2014

- Sách (TLTK) tham khảo:

1. Kim Seonjin, cty Nhân Trí Việt biên dịch - Sách dạy trang điểm - NXB Tổng hợp Tp.HCM – 2007
2. Toyoshima Amano, phiên dịch Tao Takeda – Kỹ thuật phối màu trong thiết kế thời trang
3. Mark Smith – Henna Body Art – Barnes & Noble, Inc.
4. Shahnaz Husain – Beauty Book – Orient Paperbacks
5. Ngân Hà – Cẩm nang chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp – NXB Phụ Nữ 2005

6. Linda Meredith – Khuôn mặt mái tóc Nghệ thuật quyến rũ của phái đẹp – NXB Phụ nữ

10. Đánh giá sinh viên:

- Thang điểm: 10

- Kế hoạch kiểm tra như sau:

Hình thức KT	Nội dung	Thời điểm	Công cụ KT	Chuẩn đầu ra KT	Tỉ lệ (%)
Đánh giá giữa kỳ					50
BT#1	Giải thích các hiện tượng thường gặp trên da	Tuần 1	Thuyết trình	G 1.2 G 3.1 G 3.2	10
BT#2	Ưu điểm và khuyết điểm của các hình thức làm đẹp da	Tuần 1	Tiểu luận - Báo cáo	G 1.3 G 3.2 G 4.1	5
BT#3	Các dòng mỹ phẩm mới ngày nay	Tuần 3	Tiểu luận - Báo cáo	G 2.5 G 4.2 G 3.2	5
BT#4	Nhận biết tên và chức năng mỹ phẩm, mỹ cụ	Tuần 4	Thuyết trình	G 3.2 G 3.3	5
BT#5	Nhận dạng khuyết điểm và che khuyết điểm khuôn mặt	Tuần 5	Thuyết trình	G 1.2 G 2.1 G 2.3 G 3.1 G 3.2	5
BT#6	Tổng hợp các kỹ thuật trang điểm che khuyết điểm thực tế	Tuần 7	Tiểu luận - Báo cáo	G 2.1 G 2.5 G 3.2 G 4.1	5
BT#7	Phối hợp màu sắc phù hợp và tô các kiểu mắt khác nhau, kết hợp với tô son và má hồng	Tuần 8 Tuần 9	Tiểu luận	G 1.2 G 1.3	5
BT#8	Kiểu tóc và khuôn mặt	Tuần 9	Tiểu luận - Báo cáo	G 2.3 G 2.5 G 3.2 G 4.1	5
BT#9	Tìm hiểu vấn đề uốn tóc, nhuộm tóc và cách chăm sóc tóc sau khi uốn nhuộm	Tuần 9	Tiểu luận - Báo cáo	G 2.4 G 3.2 G 4.1	
Thi cuối kỳ					50
BT#10	1. Phong các trang điểm xưa và nay ở Việt Nam 2. Phong cách trang điểm ngày nay ở các nước 3. Các loại hình trang điểm mang tính dân tộc và truyền thống	Tuần 10	Tiểu luận	G 2.4 G 2.5 G 3.2 G 4.1	10
BT#11	Chụp hình trang điểm dự tiệc hoặc	Tuần 15	Tiểu luận	G 2.1	40

	dạ hội kèm theo một mẫu bới tóc hoặc bím tóc cho mỗi kiểu trang điểm			G 2.2 G 2.5	
--	--	--	--	----------------	--

11. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần
1	<p>Chương 1: Cấu tạo và chức năng của da(3/0/6)</p> <p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (6)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết :</p> <p>1.1. Cấu tạo của da</p> <p> 1.1.1. Cấu trúc</p> <p> 1.1.2. Phân loại</p> <p>1.2. Nhiệm vụ, chức năng của da</p> <p> 1.2.1. Nhiệm vụ</p> <p> 1.2.2. Chức năng</p> <p>PPGD chính:</p> <p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p> <p>+ Trình chiếu</p>	G 1.2, G1.3, G 3.1, G 3.2
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12)</p> <p><u>BT2</u> : Ưu điểm và khuyết điểm của các hình thức làm đẹp da</p>	G 1.3, G 3.2, G 4.1
2	<p>Chương 2 : Phương pháp chăm sóc da mặt(3/0/6)</p> <p>A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp: (3)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>2.1. Phân loại da mặt</p> <p> 2.1.1. Da bình thường</p> <p> 2.1.2. Da nhờn</p> <p> 2.1.3. Da khô</p> <p>2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến làn da</p> <p> 2.2.1. Khí hậu, thời tiết</p> <p> 2.2.2. Chế độ ăn uống, dinh dưỡng</p> <p> 2.2.3. Tâm lý</p> <p> 2.2.4. Yếu tố di truyền</p> <p>2.5. Massage mặt và cổ</p> <p> 2.5.1. Mục đích</p> <p> 2.5.2. Ích lợi</p> <p> 2.5.3. Các vị trí massage</p> <p> 2.5.4. Các thao tác massage</p> <p>PPGD chính:</p> <p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p> <p>+ Thao tác mẫu</p>	G 1.3, G 2.1, G 3.1, G 3.2

	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6)</p> <p>2.3. Giữ gìn và chăm sóc làn da</p> <p>2.3.1. Cách chăm sóc chung 4 loại da mặt</p> <p>2.3.2. Phương pháp rửa mặt</p> <p>2.3.3. Chăm sóc da bình thường</p> <p>2.3.4. Chăm sóc da nhờn</p> <p>2.3.5. Chăm sóc da khô</p> <p>2.3.6. Chăm sóc da hỗn hợp</p> <p>2.4. Những yếu tố cần thiết để bảo vệ làn da</p>	G 1.3, G 2.1
	<p>Chương 3: Mỹ phẩm và mỹ cụ trang điểm (3/0/6)</p>	
3,4	<p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (3)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>3.1. Mỹ phẩm trang điểm</p> <p>3.1.1. Mỹ phẩm dưỡng da</p> <p>3.1.2. Mỹ phẩm trang điểm nền</p> <p>3.1.3. Mỹ phẩm trang điểm mắt</p> <p>3.1.4. Mỹ phẩm son môi, má hồng</p> <p>3.2. Mỹ cụ trang điểm</p> <p>3.2.1. Bông tẩy trang</p> <p>3.2.2. Bông phấn</p> <p>3.2.3. Mút tán kem</p> <p>3.2.4. Bấm lông mi</p> <p>3.2.5. Nhíp</p> <p>3.2.6. Kéo</p> <p>3.2.7. Tăm bông</p> <p>3.2.8. Lông mi giả</p> <p>3.2.9. Các loại cọ</p> <p>Tóm tắt các PPGD:</p> <p>+ Thuyết trình và diễn giảng</p> <p>+ Thảo luận làm việc nhóm</p>	G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G 3.2, G 3.3, G 4.2

	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6)</p> <p>BT3: Các dòng mỹ phẩm mới ngày nay, gồm có</p> <p>+ Nhóm 1 (3 sinh viên) tìm hiểu những thông tin về tên gọi, chức năng, phân loại, thương hiệu của mỹ phẩm dưỡng da ngày nay và báo cáo kết quả bằng powper point trước lớp từ 15-20 phút.</p> <p>+ Nhóm 2 (3 sinh viên) tìm hiểu những thông tin về tên gọi, chức năng, phân loại, thương hiệu của mỹ phẩm trang điểm nền và báo cáo kết quả bằng powper point trước lớp từ 15-20 phút.</p> <p>+ Nhóm 3 (3 sinh viên) tìm hiểu những thông tin về tên gọi, chức năng, phân loại, thương hiệu của mỹ phẩm trang điểm mắt và báo cáo kết quả bằng powper point trước lớp từ 15-20 phút.</p> <p>+ Nhóm 4 (3 sinh viên) tìm hiểu những thông tin về tên gọi, chức năng, phân loại, thương hiệu của mỹ phẩm trang điểm son môi, má hồng và báo cáo kết quả bằng powper point trước lớp từ 15-20 phút.</p> <p>+ Nhóm 5 (3 sinh viên) tìm hiểu những thông tin về tên gọi, chức năng, phân loại, thương hiệu của mỹ cụ trang điểm ngày nay và báo cáo kết quả bằng powper point trước lớp từ 15-20 phút.</p>	G 2.5, G 3.2, G 4.1, G 4.2
	<p>Chương 4: Khuôn mặt và phương pháp trang điểm(3/0/6)</p>	
5	<p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (3)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>4.1. Phương pháp nhận dạng gương mặt</p> <p>4.1.1. Nhận dạng gương mặt chuẩn</p> <p>4.1.2. Các dạng gương mặt</p> <p>4.2. Phương pháp trang điểm các dạng khuôn mặt</p> <p>4.2.1. Mặt trái xoan</p> <p>4.2.2. Mặt tròn</p> <p>4.2.3. Mặt vuông</p> <p>4.2.4. Mặt trái lê</p> <p>4.2.5. Mặt dài</p> <p>4.2.6. Mặt tam giác</p> <p>4.2.7. Mặt trái tim</p> <p>4.2.8. Mặt thoi</p> <p>PPGD chính:</p> <p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p>	G 1.2, G 2.3, G 3.1, G 3.2
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6)</p> <p>+ Tìm hiểu ít nhất 5 dạng khuôn mặt thực tế, kèm theo hình ảnh minh họa</p> <p>+ Tìm hiểu các kỹ thuật che khuyết điểm khuôn mặt ngày nay</p>	G 2.4, G 2.5
6,7	<p>Chương 5 : Các kỹ thuật trang điểm mặt (3/0/6)</p>	

	<p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (3) Nội dung GD lý thuyết: 5.1. Kỹ thuật tô điểm chân mày 5.1.1. Chân mày chuẩn 5.1.2. Nguyên tắc của chân mày đẹp 5.1.3. Kỹ thuật chính chân mày 5.1.4. Các dạng chân mày 5.2. Kỹ thuật tô má hồng 5.2.1. Má hồng cho gương mặt thường 5.2.2. Má hồng cho gương mặt dài 5.2.3. Má hồng cho gương mặt ngắn 5.2.4. Nguyên tắc đánh phấn hồng 5.3. Kỹ thuật tô sống mũi 5.3.1. Các dạng sống mũi 5.3.2. Nguyên tắc tô sống mũi 5.4. Kỹ thuật vẽ môi 5.4.1. Các kiểu vẽ môi 5.4.2. Các điểm khắc phục đối với cặp môi 5.5. Kỹ thuật trang điểm mắt 5.5.1. Kỹ thuật vẽ đường bóng mắt 5.5.2. Kỹ thuật tô màu mắt 5.5.3. Kỹ thuật bấm lông mi và chải Mascara 5.5.4. Kỹ thuật vẽ viền mắt</p> <p>PPGD chính: + Thuyết giảng + Trình chiếu + Thảo luận nhóm</p>	G 1.2, G 2.2, G 3.1, G3.2, G 3.3
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6) + Tìm hiểu kỹ thuật tô điểm chân mày xưa và nay, kèm theo hình ảnh minh họa (tối thiểu 3 hình) + Tìm hiểu kỹ thuật tô sống mũi thực tế đối với các dạng sống mũi , kèm theo hình ảnh minh họa (tối thiểu 5 hình) + Sưu tầm các kiểu tô mắt (tối thiểu 5 kiểu) + BT6 : Tổng hợp các kỹ thuật trang điểm che khuyết điểm thực tế</p>	G 2.1, G 2.4, G 2.5, G 3.2, G 4.1
8, 9	<p>Chương 6 : Kỹ thuật trang điểm cơ bản (3/0/6)</p> <p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (3) Nội dung GD lý thuyết: 6.1. Yêu cầu kỹ thuật 6.1.1. Dưỡng da mặt 6.1.2. Rửa mặt 6.1.3. Kem lót, kem nền 6.1.4. Kem che khuyết điểm 6.1.5. Phấn nền, phấn phủ 6.1.6. Vẽ chân mày 6.1.7. Vẽ sống mũi 6.1.8. Tô điểm mắt</p>	G 1.2, G 1.3, G 2.2, G 3.1, G3.2, G 3.3

	<p>6.1.9. Tô má hồng 6.1.10. Tô điểm môi 6.1.11. Hoàn tất</p> <p>6.2. Trang điểm tự nhiên 6.2.1. Qui trình trang điểm 6.2.2. Kỹ thuật tô mắt 6.2.3. Yêu cầu kỹ thuật</p> <p>6.3. Trang điểm tiệc sáng 6.3.1. Qui trình trang điểm 6.3.2. Kỹ thuật tô mắt 6.3.3. Yêu cầu kỹ thuật</p> <p>6.4. Trang điểm tiệc tối 6.4.1. Qui trình trang điểm 6.4.2. Kỹ thuật tô mắt 6.4.3. Yêu cầu kỹ thuật</p> <p>6.5. Trang điểm dạ hội – khiêu vũ 6.5.1. Qui trình trang điểm 6.5.2. Kỹ thuật tô mắt 6.5.3. Yêu cầu kỹ thuật</p> <p>PPGD chính: + Thuyết giảng + Trình chiếu + Thảo luận nhóm</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6) + Sưu tầm ít nhất 6 hình ảnh về trang điểm công sở và trang điểm dạo phố + BT7 : Phối hợp màu sắc phù hợp và tô các kiểu mắt khác nhau, kết hợp với tô son và má hồng + BT8 : Kiểu tóc và khuôn mặt + BT9 : Tìm hiểu vấn đề uốn tóc, nhuộm tóc và cách chăm sóc tóc sau khi uốn nhuộm</p>	<p>G 1.2, G 1.3, G2.3, G2.4, G 2.5, G3.2, G 4.1</p>
	<p>Chương 7 : Tóc và phương pháp chăm sóc tóc (3/0/6)</p>	
10	<p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (3) Nội dung GD lý thuyết: 7.1. Kiến thức căn bản về tóc 7.2. Phân loại tóc 7.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến mái tóc 7.3.1. Ánh nắng mặt trời 7.3.2. Chất muối 7.3.3. Dung dịch Clor 7.5. Trang sức, kiểu tóc và khuôn mặt</p> <p>PPGD chính: + Thuyết giảng + Trình chiếu + Thảo luận nhóm</p>	<p>G 1.2, G 1.3, G 3.1, G 3.2, G 4.1</p>

	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6)</p> <p>7.4. Các phương pháp giữ gìn và chăm sóc mái tóc</p> <p>7.4.1. Tóc thường</p> <p>7.4.2. Tóc khô</p> <p>7.4.3. Tóc nhờn</p> <p>7.4.4. Những điều cần tránh cho tóc</p> <p>7.4.5. Những điều nên làm cho tóc</p> <p>+ BT 10 (chọn 1 trong 3)</p> <p>1. Phong các trang điểm xưa và nay ở Việt Nam</p> <p>2. Phong cách trang điểm ngày nay ở các nước</p> <p>3. Các loại hình trang điểm mang tính dân tộc và truyền thống</p>	G1.3, G 2.1, G 2.4, G 2.5, G 3.2,G 4.1
	<p>Bài thực hành 1 : Thực hành trang điểm cơ bản (0/6/12)</p>	
11	<p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (3)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>1.1. Kỹ thuật vẽ chân mày</p> <p>1.1.1. Giới thiệu mỹ phẩm, mỹ cụ</p> <p>1.1.2. Thao tác mẫu trên gương mặt dài và tròn</p> <p>1.1.3. Nêu yêu cầu kỹ thuật</p> <p>1.1.4. Sinh viên thực hành</p> <p>1.2. Trang điểm tự nhiên</p> <p>1.2.1. Giới thiệu mỹ phẩm, mỹ cụ</p> <p>1.2.2. Thao tác mẫu</p> <p>1.2.3. Nêu yêu cầu kỹ thuật</p> <p>1.2.4. Sinh viên thực hành</p> <p>1.3. Cột tóc đuôi ngựa</p> <p>1.3.1. Giới thiệu mỹ phẩm, mỹ cụ</p> <p>1.3.2. Thao tác mẫu</p> <p>1.3.3. Nêu yêu cầu kỹ thuật</p> <p>1.3.4. Sinh viên thực hành</p> <p>Tóm tắt các PPGD:</p> <p>+ Thao tác mẫu và diễn giảng</p> <p>+ Quan sát và chỉnh sửa các lỗi thực hành</p> <p>+ Nhận xét và nhấn mạnh các mốc kiểm, điểm khóa</p> <p>PPGD chính:</p> <p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p>	G 1.3, G 2.1, G 2.2, G 2.3, G 2.5
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6)</p> <p>+ Tập vẽ chân mày theo các dạng khuôn mặt thực tế</p> <p>+ Tập tự thân trang điểm công sở và trang điểm dạo phố</p>	G 2.1, G 2.2, G 2.3, G 2.4, G 2.5, G 4.1
	<p>Bài thực hành 2: Thực hành trang điểm tiệc sáng (0/6/12)</p>	

12	<p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (3) Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Trang điểm tiệc sáng 2.1.1. Giới thiệu mỹ phẩm, mỹ cụ 2.1.2. Thao tác mẫu (tô mắt tán thường) 2.1.3. Nêu yêu cầu kỹ thuật 2.1.4. Sinh viên thực hành 2.2. Búi tóc hoa mai 2.2.1. Giới thiệu mỹ phẩm, mỹ cụ 2.2.2. Thao tác mẫu 2.2.3. Nêu yêu cầu kỹ thuật 2.2.4. Sinh viên thực hành</p> <p>Tóm tắt các PPGD: + Thao tác mẫu và diễn giảng + Quan sát và chỉnh sửa các lỗi thực hành + Nhận xét và nhấn mạnh các mốc kiểm, điểm khóa</p> <p>PPGD chính: + Thuyết giảng + Trình chiếu + Thảo luận nhóm</p>	G 1.3, G 2.1, G 2.2, G 2.3, G 2.5
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6) + Tập vẽ chân mày theo các dạng khuôn mặt thực tế + Tập tự thân trang điểm tiệc sáng + Thiết kế hoặc tìm hiểu các biến kiểu của búi tóc hoa mai</p>	G 2.1, G 2.2, G 2.3, G 2.4, G 2.5, G 4.1
13	<p>Bài thực hành 3: Thực hành trang điểm tiệc tối (0/6/12)</p> <p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (3) Nội dung GD lý thuyết: 3.1. Trang điểm tiệc tối 3.1.1. Giới thiệu mỹ phẩm, mỹ cụ 3.1.2. Thao tác mẫu (tô mắt tán ngang 2 màu, 3 màu) 3.1.3. Nêu yêu cầu kỹ thuật 3.1.4. Sinh viên thực hành 3.2. Búi tóc kiểu Nhật 3.2.1. Giới thiệu mỹ phẩm, mỹ cụ 3.2.2. Thao tác mẫu 3.2.3. Nêu yêu cầu kỹ thuật 3.2.4. Sinh viên thực hành</p> <p>Tóm tắt các PPGD: + Thao tác mẫu và diễn giảng + Quan sát và chỉnh sửa các lỗi thực hành + Nhận xét và nhấn mạnh các mốc kiểm, điểm khóa</p>	G 1.3, G 2.1, G 2.2, G 2.3, G 2.5

	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6)</p> <p>+ Tập vẽ chân mày theo các dạng khuôn mặt thực tế</p> <p>+ Tập tự thân trang điểm tiệc tối bằng cách phối các tông màu khác nhau</p> <p>+ Thiết kế hoặc tìm hiểu các biến kiểu của búi tóc kiểu Nhật</p>	<p>G 2.1, G 2.2,</p> <p>G 2.3, G 2.4,</p> <p>G 2.5, G 4.1</p>
	<p>Bài thực hành 4: Thực hành trang điểm dạ hội (0/6/12)</p>	
14	<p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (3)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>4.1. Trang điểm dạ hội</p> <p>4.1.1. Giới thiệu mỹ phẩm, mỹ cụ</p> <p>4.1.2. Thao tác mẫu (tô màu đuôi dài và mắt xếch)</p> <p>4.1.3. Nêu yêu cầu kỹ thuật</p> <p>4.1.4. Sinh viên thực hành</p> <p>4.2. Bím tóc</p> <p>4.2.1. Giới thiệu mỹ phẩm, mỹ cụ</p> <p>4.2.2. Thao tác mẫu</p> <p>4.2.3. Nêu yêu cầu kỹ thuật</p> <p>4.2.4. Sinh viên thực hành</p> <p>Tóm tắt các PPGD:</p> <p>+ Thao tác mẫu và diễn giảng</p> <p>+ Quan sát và chỉnh sửa các lỗi thực hành</p> <p>+ Nhận xét và nhấn mạnh các mốc kiểm, điểm khóa</p>	<p>G 1.3, G 2.1,</p> <p>G 2.2, G 2.3,</p> <p>G 2.5</p>
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6)</p> <p>+ Tập vẽ chân mày theo các dạng khuôn mặt thực tế</p> <p>+ Tập tự thân trang điểm dạ hội bằng cách phối các tông màu khác nhau</p> <p>+ Thiết kế hoặc tìm hiểu các biến kiểu của bím tóc</p>	<p>G 2.1, G 2.2,</p> <p>G 2.3, G 2.4,</p> <p>G 2.5, G 4.1</p>
	<p>Bài thực hành 5: Kiểm tra kết thúc học phần (0/6/12)</p>	
15	<p>Nội Dung (ND) trên lớp:</p> <p>5.1. Trang điểm tiệc tối / dạ hội</p> <p>5.2. Búi tóc hoặc bím tóc</p> <p>Tóm tắt các PPGD:</p> <p>+ Quan sát</p> <p>+ Đánh giá kết quả thực hiện</p>	<p>G 1.3, G 2.1,</p> <p>G 2.2, G 2.3,</p> <p>G 2.5</p>

	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6)</p> <p>+ Tập vẽ chân mày theo các dạng khuôn mặt thực tế</p> <p>+ Tập tự thân trang điểm tự nhiên và trang điểm tiệt</p> <p>+ Tập tự thân bím tóc hoặc búi tóc</p>	<p>G 2.1, G 2.2, G 2.3, G 2.4, G 2.5, G 4.1</p>
--	--	---

12. Đạo đức khoa học:

Các bài tập ở nhà và dự án phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

13. Ngày phê duyệt lần đầu:

14. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Trưởng BM

Nhóm biên soạn

15. Tiến trình cập nhật ĐCCT

Lần 1: Nội Dung Cập nhật ĐCCT

lần 1: ngày tháng năm

<người cập nhật ký
và ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng Bộ môn:

GIỚI THIỆU CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành Công nghệ May (Mã ngành 7540205D, 7540205C)

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng: Vận dụng được các nguyên lý thiết kế vào quá trình phát triển các sản phẩm may; quản lý và thể hiện tốt vai trò cán bộ kỹ thuật; xây dựng qui trình làm việc và hợp lý hóa sản xuất may; thiết kế cải tiến điều kiện nhà xưởng và các trang thiết bị góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm may.

Các kỹ sư có cơ hội làm việc tại: các doanh nghiệp may & thời trang; các Công ty tư vấn, thiết kế, tiếp thị, văn phòng đại diện Công ty may & thời trang; các Công ty dệt, da giày, túi xách, trang thiết bị và dịch vụ ngành may; các trường chuyên may mặc và thời trang.

Để học ngành Công nghệ May được tốt nhất, các em học sinh cần: Thật sự yêu thích nghề may; chăm chỉ, cần mẫn và tỉ mỉ; có khả năng phân tích, tổng hợp và tư duy logic.

Được đào tạo tại khoa Công nghệ May và Thời trang và khoa Đào tạo Chất lượng cao.

2. Ngành Thiết kế Thời trang (Mã ngành 7210404D)

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng: Thiết kế và thực hiện hoàn chỉnh bộ sưu tập thời trang; vận dụng sáng tạo các nguyên lý thiết kế để phát triển các bộ sưu tập thời trang; tổ chức quản lý và điều hành các cửa hàng thời trang.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có cơ hội làm việc tại: Phòng thiết kế các doanh nghiệp may & thời trang; phòng marketing các công ty tư vấn, thiết kế và tiếp thị hàng may mặc & thời trang; phòng thiết kế các công ty giày, nón; túi xách và phụ kiện thời trang; Tòa soạn báo & tạp chí, công ty thiết kế, in ấn,...

Để học ngành Thiết kế Thời trang được tốt nhất, các em học sinh cần: Thật sự đam mê với nghề thiết kế thời trang; có năng khiếu hội họa, tạo hình; có óc sáng tạo và phát triển ý tưởng thời trang; có tính cầu thị, ham học hỏi, sự kiên trì và nhẫn nại trong học tập.

Được đào tạo tại khoa Công nghệ May và Thời trang.

3. Ngành Công nghệ vật liệu Dệt - May (Mã ngành 7540203)

Tại sao nên học ngành CN Vật liệu Dệt - May?

Năm 2018, xuất khẩu dệt may Việt Nam đạt top 3 thế giới (với hơn 36 tỷ USD đứng thứ 2 cả nước về đóng góp GDP), thu về hơn 1.500 tỷ lợi nhuận. Bên cạnh đó, CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương) và EVFTA (Hiệp định Tự do Thương Mại Việt Nam - EU) chính thức được thông qua và có hiệu lực trong năm 2019 sẽ

giúp ngành dệt Việt Nam đẩy mạnh tăng trưởng cũng như thay đổi cơ cấu thị trường xuất khẩu theo hướng cân bằng hơn, trong đó dòng thuế suất sẽ được giảm về 0% khi các sản phẩm may đáp ứng được với những ràng buộc về nguyên tắc xuất xứ (ưu đãi đặc biệt nếu nguyên phụ liệu may được sản xuất tại chỗ). Nhằm tránh sự phụ thuộc vào nguồn nguyên phụ liệu nhập từ Trung Quốc (48%) cũng như các nước khác, nhiều doanh nghiệp FDI sẽ dồn dập thiết lập chuỗi sản xuất từ sợi - vải - may mặc tại Việt Nam để tận dụng các lợi thế miễn giảm thuế từ các hiệp định thương mại tự do. Mặt khác, các công ty may mặc Việt Nam hiện nay sẽ cần phải tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, không chỉ thực hiện gia công lắp ráp mà còn phải chủ động trong khâu thiết kế cũng như tìm kiếm các nguồn nguyên phụ liệu phù hợp giúp tăng lợi thế cạnh tranh. Do vậy, nhu cầu về nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ vật liệu dệt may sắp tới vô cùng lớn, thậm chí thiếu hụt trầm trọng bởi hiện nay rất ít cơ sở đào tạo trình độ đại học về lĩnh vực này tại Việt Nam.

Sinh viên ngành CN Vật liệu Dệt - May học gì?

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Vật liệu Dệt - May trang bị cho sinh viên các kiến thức lý thuyết và thực hành từ cơ bản đến chuyên sâu ở trình độ đại học. Bên cạnh đó, sinh viên tham gia chương trình này có khả năng thích ứng cao với môi trường kinh tế xã hội trong thời kỳ hội nhập, giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật dệt may dựa trên các kiến thức cơ bản vật liệu dệt (xơ dệt, sợi dệt, vải dệt, sản phẩm may và phụ liệu may), công nghệ sản xuất vật liệu dệt (kéo sợi, dệt thoi, dệt kim, không dệt, nhuộm, hoàn tất), tiến bộ trong sản xuất vật liệu dệt may (công nghệ nano dệt, điều khiển tự động hóa và tin học ứng dụng trong dệt - may, vật liệu dệt đa chức năng, vật liệu dệt thông minh...), quá trình tổ chức và quản lý sản xuất hàng dệt may, thiết kế và gia công các loại trang phục, kinh doanh hàng dệt may....

Tốt nghiệp sẽ làm việc ở đâu?

Kỹ sư tốt nghiệp ngành Công nghệ Vật liệu Dệt - May có thể làm việc tại các nhà máy kéo sợi, nhà máy dệt vải, nhà máy nhuộm - hoàn tất, công ty may mặc (quản lý chất lượng nguyên phụ liệu may), viện nghiên cứu vật liệu dệt, tổ chức kiểm định chất lượng hàng dệt - may hoặc phòng thí nghiệm vật liệu dệt, công ty kinh doanh nguyên phụ liệu may, trường đại học và trường cao đẳng đào tạo ngành dệt may

Học tập nâng cao trình độ như thế nào?

Kỹ sư tốt nghiệp ngành Công nghệ Vật liệu Dệt - May có khả năng học tập nâng cao trình độ (thạc sỹ và tiến sỹ) tại các trường đại học trong và ngoài nước (du học).

4. Ngành Kỹ thuật Nữ công (Mã ngành 7810502D)

Chương trình đào tạo được thiết kế bao gồm các môn học rèn luyện kỹ năng thực hành Bếp, Làm bánh, Trang trí hoa, Làm đẹp. Ngoài ra, sinh viên sẽ được trực tiếp tham gia trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp để rèn luyện tay nghề một cách tốt nhất.

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng: Chế biến, sáng tạo các món ăn Âu – Á; pha chế Cocktail; thiết kế và quản lý quy trình bếp công nghiệp; thiết kế các sản phẩm trang trí hoa; thiết kế và may trang phục trẻ em, âu phục nam – nữ; giảng dạy nghề Nữ công Gia chánh.

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các chức danh quản lý tại các doanh nghiệp chế biến thực phẩm; chế biến xuất ăn công nghiệp; nhà hàng; Trung tâm dinh dưỡng; các Trung tâm dạy nghề,...

Để học ngành Kinh tế Gia đình được tốt nhất, các em học sinh cần: Yêu thích và đam mê Âm thực; kiên nhẫn, có khả năng ứng dụng và sáng tạo,...

5. Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (Mã ngành 7810202D)

Đào tạo kỹ sư ngành Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nhà hàng và dịch vụ ăn uống; có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và đánh giá các giải pháp; có năng lực xây dựng và quản trị các hệ thống nhà hàng và các dạng bếp, có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, có thái độ nghề nghiệp phù hợp đáp ứng được các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm quản lý nhà hàng, quản lý dịch vụ ẩm thực cho các nhà hàng - khách sạn; Chuyên viên tổ chức sự kiện ẩm thực trong các nhà hàng - khách sạn; Chuyên viên tư vấn, tổ chức và điều hành tại các chuỗi nhà hàng, trung tâm hội nghị.



ISBN: 978-604-73-2175-9



9 786047 321759